

Số 2564/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Khánh Hòa  
giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh về thành lập Tổ công tác xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1958 /SKHĐT-TH ngày 15/8/2017 về phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn đến 2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn đến 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

**I. Quan điểm và mục tiêu tăng trưởng xanh**

**1. Quan điểm**

- Tăng trưởng xanh phải được coi là nội dung quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, là quyết tâm của địa phương để thực hiện các Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng trưởng xanh gắn liền với tái cấu trúc nền kinh tế, đưa kinh tế Khánh Hòa từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên việc khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế so sánh của Tỉnh, mở rộng hội nhập kinh tế, tăng cường liên kết với các tỉnh, các vùng trong cả nước.

- Tăng trưởng xanh được thực hiện dựa trên tăng cường đầu tư vào bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế.

- Tăng trưởng xanh được thực hiện bởi con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường và tiêu dùng bền vững.

- Tăng trưởng xanh được xây dựng phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, của vùng, của cả nước, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Các hoạt động tăng trưởng xanh phải bảo đảm đạt được sự kết hợp hài hòa giữa yêu cầu trước mắt với lợi ích lâu dài, có những bước đi thích hợp, cụ thể, với những đột phá và trật tự ưu tiên được xác định rõ nhưng vẫn có thể điều chỉnh được cho phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới; có tính đến các mối quan hệ liên vùng, liên ngành, đáp ứng yêu cầu chia sẻ kinh nghiệm cả trong Tỉnh và ở tầm quốc gia.

- Trong kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh, vai trò của các bên liên quan bao gồm cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội dân sự và của cộng đồng người dân được xác định rõ.

## **2. Mục tiêu tổng quát**

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh, với trọng tâm là: phát triển kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, quan tâm đến các vấn đề xã hội và văn hóa nhằm đảm bảo phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

## **3. Mục tiêu cụ thể**

### **3.1. Về giảm phát thải khí nhà kính**

- Đến năm 2020: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính so với mức phát triển bình thường là 13,2%, trong đó mức giảm tự nguyện khoảng 8,1%, còn lại là mức phấn đấu khi có thêm hỗ trợ quốc gia và/ hoặc quốc tế.

- Đến năm 2025: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính so với mức phát triển bình thường là 20%, trong đó mức giảm tự nguyện khoảng 12%, còn lại là mức phấn đấu khi có thêm hỗ trợ quốc gia và/ hoặc quốc tế.

### **3.2. Về xanh hóa sản xuất**

- Phấn đấu 90% cộng đồng dân cư và 100% công chức, viên chức nhà nước hiểu biết cơ bản về tăng trưởng xanh và các tác động của tăng trưởng xanh. 100% cán bộ làm công tác quản lý, tham mưu biết cách lồng ghép tăng trưởng xanh trong các hoạt động quản lý kinh tế, xã hội mà được giao nhiệm vụ;

- Phấn đấu 90% cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn về môi trường;

- Phấn đấu 100% cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo xử lý chất thải;

- 50% các doanh nghiệp đạt chứng chỉ quản lý môi trường (chứng nhận ISO 14001 hoặc các chứng nhận quốc tế khác).

### **3.3. Về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.**

- 100% các đô thị có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn;

- 100% các đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt trên 95%;
- 95% chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được thu gom, hình thành và phát triển ngành công nghiệp tái chế chất thải để tái sử dụng, phần đầu 30% chất thải thu gom được tái chế.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải công cộng nội tỉnh, tỷ lệ sử dụng phương tiện vận tải công cộng tại các khu đô thị lớn và trung bình đạt 10%;
- 100% dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về tiêu dùng và thực hiện tiêu dùng bền vững, ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu;
- 80% hộ ven biển, vùng nông thôn có hố xí hợp vệ sinh.
- Tỷ lệ che phủ (gồm cả cây công nghiệp dài ngày và cây lâu năm) đạt 47,5%.

## **II. Giải pháp thực hiện.**

### **1. Nhóm giải pháp về tăng cường năng lực và thể chế**

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch thuộc các lĩnh vực đã được phê duyệt, đặc biệt là: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch phát triển khoa học công nghệ; Quy hoạch sử dụng đất; Kế hoạch bảo vệ môi trường; Chương trình phát triển nhân lực; Chương trình phát triển đô thị; Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, v.v... để làm nền tảng cho tăng trưởng xanh, cơ sở cho khai thác tối đa những cơ hội, tiềm năng của những yếu tố bền vững và giảm thiểu những thách thức hạn chế mà Khánh Hòa đang gặp phải. Trong quá trình thực hiện cần tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung chỉnh sửa những nội dung không phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng xanh của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính không phù hợp trên tất cả các lĩnh vực. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Duyên hải Nam Trung bộ đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và các nước trong các vấn đề: Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tài nguyên nước, khoáng sản phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Cải thiện tiếp cận tài chính công và các nguồn phân bổ khác được phục vụ cho tăng trưởng xanh cho cả khu vực công và tư.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đầu tư và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh. Huy động cộng đồng đóng góp nguồn lực để bảo vệ môi trường, đồng thời xác định mô hình xã hội hóa bảo vệ môi trường, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Thúc đẩy xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường lồng ghép mô hình kinh tế - xã hội.

- Khuyến khích và chú trọng thu hút các nguồn vốn vay, ODA, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, xây dựng cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính để thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Thu hút đầu tư và đề xuất triển khai các dự án hợp tác quốc tế và tài trợ quốc tế đa phương và song phương về môi trường với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ về kỹ thuật, kinh nghiệm, công nghệ và tài chính cho các hoạt động xây dựng mô hình phát triển xanh, mô hình sinh thái, phát triển nguồn nhân lực.

- Tập trung phát triển, đào tạo nguồn nhân lực nhất là phục vụ tăng trưởng xanh (trong các ngành kinh tế biển, thương mại, du lịch, nông nghiệp sinh thái...)

- Tăng cường năng lực cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong việc đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và khả năng giám sát những tác động dự báo của ĐMC, để tránh những tác động tiêu cực không lường trước được về môi trường nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế; đồng thời tăng cường năng lực về kiểm tra và thanh tra môi trường, đặc biệt là đối với cán bộ quản lý môi trường cấp cơ sở.

- Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện tăng trưởng xanh theo các nhiệm vụ và chỉ tiêu chính đã đề ra cho từng giai đoạn.

## **2. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia**

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phát huy vai trò của tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu, lựa chọn được các nội dung giảng dạy về tăng trưởng xanh, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững, STEM và Cách mạng công nghiệp 4.0... vào các cấp học, bậc học phù hợp; tăng cường sự giám sát của cộng đồng, các cơ quan thông tin đại chúng đối với bảo vệ môi trường, nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về chiến lược tăng trưởng xanh. Từ đó, tạo ra sự chuyển biến tích cực để mỗi cá nhân, tổ chức có hành động thiết thực đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh.

- Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành trong nền kinh tế xanh, ngành sản xuất xanh cho đội ngũ cán bộ quản trị công và doanh nghiệp, trước mắt là đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức đào tạo về Hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14001, Nhãn Xanh và Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường: sản phẩm làm từ vật liệu tái chế, chất tẩy rửa có nguồn gốc hữu cơ, sản phẩm có nhãn xanh.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về giao thông công cộng, phương tiện giao thông thân thiện với môi trường,

- Tổ chức tập huấn và truyền thông nâng cao năng lực cho cộng đồng về lợi ích sử dụng năng lượng hiệu quả.



- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo mà Tỉnh đang có lợi thế (như mặt trời, năng lượng gió), hình ảnh doanh nghiệp và du lịch thân thiện môi trường. Phát động phong trào tiêu dùng tiết kiệm (trước hết là đối với nước, điện, giấy), chống lãng phí, bảo vệ và làm giàu thêm đối với tài nguyên và của cải xã hội.

### **3. Nhóm giải pháp về giảm cường độ phát thải khí nhà kính**

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế với các loại cây trồng đa mục đích, sử dụng các biện pháp thâm canh để nâng tỉ lệ che phủ rừng, nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng hấp thụ khí CO<sub>2</sub> của rừng, tăng sinh khối để tăng tích trữ các-bon. Thực hiện tốt quy hoạch 3 loại rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đặc biệt chú trọng quản lý bảo vệ và phát triển diện tích rừng ngập mặn.

- Khuyến khích và thúc đẩy nhân dân trồng rừng, tăng cường giao diện tích đất chưa sử dụng cho nhân dân để trồng rừng, vừa nâng cao diện tích rừng, vừa tạo sinh kế người dân, nâng cao mức thu nhập và ổn định đời sống nhân dân, hạn chế du canh du cư, phá rừng làm nương rẫy

- Xây dựng, thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), quản lý rừng bền vững, kết hợp với duy trì và đa dạng hóa sinh kế dân cư tại cả vùng, địa phương, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và triển khai rộng rãi các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong bảo tồn, phát triển bền vững rừng và các hệ sinh thái tự nhiên.

- Tuân thủ kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030.

- Khai thác và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, ít phát thải khí nhà kính và giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo.

- Nghiên cứu, nhân rộng công nghệ xử lý và tái tạo sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ, chất đốt nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

- Đầu tư phát triển các loại hình giao thông công cộng sạch và hiệu quả: Hỗ trợ triển khai cung cấp, chuyển đổi hệ thống cung ứng và áp dụng sử dụng nhiên liệu sinh học trong Vận tải hành khách công cộng và vận tải hàng hóa, Phát triển hệ thống xe điện tại các khu vực du lịch.

- Thúc đẩy sử dụng thiết bị hiệu quả năng lượng trong cộng đồng dân cư: Xây dựng cơ chế và nguồn lực để khuyến khích và thúc đẩy hộ gia đình sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng với mục tiêu: sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời giúp giảm nhu cầu điện năng vào giờ cao điểm cho việc đun nước nóng, thay thế điều hòa, đèn, tủ lạnh thông thường sang thiết bị hiệu suất cao.

- Thúc đẩy sử dụng thiết bị hiệu quả năng lượng trong các cơ sở thương mại và sản xuất: Xây dựng cơ chế hỗ trợ và khuyến khích các tòa nhà thương mại, khách sạn thực hiện thay thế 90% các loại đèn thông thường hiện có sang đèn hiệu suất cao, chuyển đổi bình nước nóng bằng điện sang bình nước nóng năng lượng mặt trời giúp giảm 8% sản lượng điện cho khu vực tòa nhà và khách sạn, tiếp tục duy trì cơ chế hỗ trợ và khuyến khích người dân và chủ trang trại đầu tư hệ thống hầm biogas trong chăn nuôi, từ nay đến năm 2018 chấm dứt hoàn toàn việc sản xuất gạch đất sét nung bằng công nghệ lạc hậu (lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch), nghiên cứu và lắp đặt hệ thống thu hồi nhiệt thải cho các nhà máy giúp giảm tiêu thụ điện năng, giảm phát thải, giảm ô nhiễm môi trường.

- Đối với các ngành công nghiệp phát thải lớn (xi măng, nhiệt điện): đảm bảo hoạt động ổn định, từng bước nâng cấp công nghệ sản xuất, nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu và phát thải khí nhà kính; Đầu tư xây dựng và vận hành ổn định hệ thống quan trắc môi trường; Cải tạo và ổn định bãi thải chất thải nguy hại và trồng cây xanh; Rà soát và ngừng cấp phép với những dự án có tác động môi trường và phát thải lớn.

#### **4. Nhóm giải pháp về xanh hóa sản xuất**

- Phát triển công nghiệp xanh: Tiếp tục phát huy thế mạnh công nghiệp tại địa phương; Phát triển công nghiệp nhiệt điện, đóng tàu, vật liệu xây dựng một cách hợp lý, bền vững, dựa vào Khoa học và Công nghệ; Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch; Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp địa phương, trọng tâm là công nghiệp sạch (sử dụng năng lượng sạch, áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường), công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường; Đến năm 2020, hoàn thành việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu dân cư trong đô thị và đưa vào khu sản xuất tập trung;

- Phát triển nông nghiệp sạch, xây dựng thương hiệu sản phẩm xanh, thực hiện chương trình nông thôn mới; Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với hình thành các vùng sản xuất, tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao.

- Tiếp tục khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản và phát triển đô thị nóng để lại; xử lý triệt để nước thải và chất thải rắn, đặc biệt tại khu vực thành thị.

- Cải thiện các công tác quan trắc, đánh giá số liệu và có biện pháp khắc phục khi cần thiết, đảm bảo môi trường không khí (nồng độ bụi, khí thải) ở các khu vực dân cư trong giới hạn quy định.

- Từng bước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ hoạt động phân loại rác tại nguồn. Áp dụng các công nghệ tiên tiến hiện đại trong việc xử lý chất thải rắn nhằm giảm hình thức xử lý bằng phương pháp chôn lấp không hợp vệ sinh.

- Thực hiện các kỹ thuật đánh bắt thủy sản an toàn để đảm bảo toàn bộ sản lượng đánh bắt đạt dưới mức “năng suất bền vững tối đa” của hệ sinh thái.

- Giám sát nghiêm ngặt và nghiêm cấm tất cả các hoạt động làm ảnh hưởng đến các khu bảo tồn thiên nhiên, văn hóa lịch sử...

- Đầu tư cho phát triển và ứng dụng Khoa học – Công nghệ đặc biệt là công nghệ cao, thân thiện với môi trường, cùng với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để từng bước hình thành và phát triển tri thức. Xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ liên kết đào tạo – nghiên cứu – sản xuất, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các hướng nghiên cứu phù hợp với Cách mạng công nghiệp 4.0. Thúc đẩy các giải pháp quản lý chất thải hiệu quả hơn, giảm thiểu tác động môi trường theo cách tiếp cận 3R (Giảm thiểu – Tái chế - Tái sử dụng). Khuyến khích xã hội hóa các hoạt động dịch vụ môi trường.

- Khuyến khích các tổ chức tài chính, doanh nghiệp triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo vệ môi trường cao. Rà soát các phương án công nghệ được sử dụng trong các dự án đầu tư, đặc biệt là khi cấp phép hoặc quyết định đầu tư để thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh.

- Củng cố, ổn định bãi thải đảm bảo không sạt lở trong mùa mưa lũ, đẩy mạnh trồng cây phủ xanh.

- Tăng cường năng lực và khả năng phối hợp của các tổ chức, đơn vị chuyên trách trong phòng chống thiên tai và tai biến thiên nhiên.

### **5. Nhóm giải pháp về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững**

- Đầu tư nâng cấp cải tạo các công trình cung cấp nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường khu dân cư ven biển.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm trong sinh hoạt; Quản lý hệ thống thu gom xử lý chất thải đô thị, nông thôn trong sản xuất công nghiệp và phát sinh do tự nhiên, tai biến thiên nhiên; Chú trọng việc thường xuyên rà soát khắc phục ngay các điểm có nguy cơ mất an toàn trong sinh hoạt dân cư đô thị, nông thôn, sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

- Tập trung thực hiện tốt quy hoạch xây dựng đô thị, kiểm soát không ảnh hưởng đến diện tích trồng lúa, rừng, ao hồ và vấn đề biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

- Xây dựng quy chế an toàn và đầu tư trang thiết bị an toàn cho các hoạt động công cộng (tàu thuyền du lịch, chợ, siêu thị, ...)

- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng xa khu dân cư, các công trình công cộng, sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

- Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường khu dân cư; xây dựng ý thức bảo vệ nguồn nước; không thải chất bẩn vào nguồn nước, đặc biệt là các hồ chứa, các đoạn sông suối là nguồn cấp cho nhà máy cấp nước sinh hoạt.



- Phân loại và quản lý chất thải nguy hại trong sản xuất và trong sinh hoạt.
- Công khai thông tin về các vấn đề tài nguyên và môi trường.

- Ưu tiên phân bổ đất công để nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước ở các đô thị, đạt tiêu chuẩn diện tích cây xanh đô thị tính theo đầu người đã quy định cho từng loại đô thị. Tăng cường đầu tư và cải thiện thể chế để bảo vệ và phát triển các không gian xanh công cộng và khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp và các hộ gia đình thực hiện các giải pháp xanh hóa cảnh quan đô thị. Đưa các yếu tố an sinh và bền vững vào cảnh quan đô thị như các tòa nhà xanh, các khu đô thị xanh, công viên đô thị cảnh quan xanh. Đề xuất các giải pháp hạn chế mật độ dân cư sinh sống trong đô thị, nhằm đáp ứng đảm bảo các nhu cầu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho cộng đồng dân cư đô thị, hạn chế gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn,... trong đô thị.

- Quy hoạch nông thôn theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển các cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất ở nông thôn theo chu trình sinh thái khép kín, mô hình xử lý tốt chất thải. Triển khai các giải pháp xây dựng công trình kinh tế và dân sinh thích ứng với BĐKH và chủ động phòng ngừa tác động của thiên tai.

**6. Nội dung, kế hoạch thực hiện các hoạt động chủ yếu, các chương trình, dự án (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).**

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh;

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị; Chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Kế hoạch Hành động tăng trưởng xanh của tỉnh và rà soát, sửa đổi, bổ sung xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về ứng phó biến đổi khí hậu, thực hiện tăng trưởng xanh; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển Kinh tế - xã hội; đưa các nội dung biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh quản lý tài nguyên, môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ ngành liên quan

- Hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, báo cáo UBND Tỉnh theo định kỳ hàng năm; tổ chức sơ kết giữa kỳ để đánh giá, rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện, nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung để cập nhật cho tới hết giai đoạn 2030;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã bổ sung, hoàn thiện danh mục chương trình, dự án trong từng giai đoạn cụ thể để triển khai thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan cân đối, vận động, thu hút để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch.



## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán để làm cơ sở triển khai thực hiện.

## **3. Sở Du lịch**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp có liên quan chủ động tổ chức triển khai Kế hoạch, nhiệm vụ của ngành Du lịch theo hướng tăng trưởng xanh;

- Tham mưu cho UBND Tỉnh về chính sách phát triển du lịch bền vững theo hướng tăng trưởng xanh

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan tham mưu, tư vấn lựa chọn các công nghệ du nhập về tỉnh; nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích việc đầu tư, chuyển giao công nghệ, áp dụng các tiến bộ KH&CN trên địa bàn.

## **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Tham mưu cho UBND Tỉnh về chính sách phát triển môi trường bền vững theo các định hướng tăng trưởng xanh; tổ chức xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường giám sát các hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực môi trường để kịp thời xử lý.

- Thường xuyên thực hiện tốt việc quan trắc môi trường để kịp thời cảnh báo cho người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về môi trường để nâng cao nhận thức của người dân về trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác giám sát môi trường nhằm tăng cường hiệu quả BVMT đặc biệt đối với khối công nghiệp.

## **6. Sở Công Thương**

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong công nghiệp, thương mại, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn Tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi các thiết bị lạc hậu tốn nhiều năng lượng và thải nhiều khí thải để đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại hơn.

## **7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện các đề án, dự án trong phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao theo các định hướng tăng trưởng xanh;

- Thường xuyên tuyên truyền nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả ít sử dụng phân bón hóa học và sử dụng nước hợp lý trong sản xuất; thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu canh trồng cho phù hợp từng vùng và đáp ứng theo nhu cầu của thị trường.

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong nông-lâm-ngư nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh và triển khai chương trình Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

### **8. Sở Giao thông Vận tải**

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải, phát triển hạ tầng giao thông bền vững và giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp vận tải thực hiện đúng các quy định về bảo trì, bảo dưỡng, loại bỏ các loại xe tốn nhiều nhiên liệu và hết niên hạn sử dụng.

### **9. Sở Xây dựng**

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến quy hoạch đô thị bền vững, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình xanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường trong các hoạt động quản lý chất thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

### **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

Xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, các quy định pháp luật, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

### **11. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện trong tỉnh**

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có nhiệm vụ triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm, 5 năm của ngành mình, cấp mình, đơn vị mình theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng các chỉ tiêu tăng trưởng xanh của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của ngành mình; tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực quản lý. Phân công tổ chức thực hiện, xác định cá nhân chịu trách nhiệm cụ thể. Đề xuất các chương trình, đề án, dự án, hoạt động liên quan đến tăng trưởng xanh đang và dự kiến tiến hành;

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, người dân về nội dung Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương;

- Định kỳ thu thập, tổng hợp thông tin về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh của tỉnh. Định kỳ hàng năm, báo cáo nội dung cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược, Kế hoạch thực hiện tăng trưởng xanh lồng ghép trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; nêu rõ các vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện,

các báo cáo này phải được gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo với UBND Tỉnh.

**12. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp**

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh trong phạm vi chức năng và hoạt động;


- Tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ KH&ĐT;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Thành viên tổ công tác TTX;
- P.TH, P.KG-VX, P.XD-NĐ;
- Lưu: VT+HN, HB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

**Lê Đức Vinh**

## PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2564 /QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### I. Các chương trình, dự án ưu tiên về giảm phát thải khí nhà kính và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

STT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1000VND /tCO <sub>2</sub> )	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2017-2020	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2021-2025
	<b>TỔNG CỘNG: KỊCH BẢN HỖ TRỢ</b>				5.707	8.870
	<b>TỔNG CỘNG: KỊCH BẢN TỰ NGUYỆN</b>				597	1.176
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>				120,6	167,6
1	Chọn giống lúa ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao	Diện tích gieo trồng đạt 3.000 ha năm 2025	Sở NN&PTNT/ Hội nông dân tỉnh.	-641	27,3	41
2	Áp dụng kỹ thuật canh tác lúa cải tiến 3 giảm, 3 tăng	Triển khai áp dụng trên diện tích 10.000 ha đến năm 2025.	Sở NN&PTNT/ Hội nông dân tỉnh.	-663	30	30
3	Chuyển đổi lúa năng suất thấp sang cây trồng cạn: Ngô	Đến năm 2025 chuyển đổi khoảng 5.000ha	Sở NN&PTNT/ Hội nông dân tỉnh.	-327	40,8	44
4	Ứng dụng công nghệ khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi	Đến năm 2025 phát triển được 7500 hầm khí sinh học	Sở NN&PTNT/ Hội nông dân tỉnh.	154	22,5	53
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>				47,8	82,1
1	Trồng rừng ngập mặn để bảo vệ bờ biển, chống xói lở do nước biển dâng (tràm/đước)	Đến năm 2025 trồng được 400 ha đước/tràm chu kỳ khai thác 12 năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	16	1,31	3,06



STT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1000VND /tCO <sub>2</sub> )	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2017-2020	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2021-2025
2	Làm giàu và tái tạo rừng tự nhiên	Đến năm 2020 trồng tái tạo thêm được 3000 ha rừng	- nt -	1,7	11,25	26,25
3	Tổ chức trồng rừng sản xuất có hiệu quả trên diện tích đất trống	Trồng mới thêm khoảng 8.000 ha rừng sản xuất đến năm 2025.	- nt -	57,1	35,2	52,8
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG</b>				<b>5.539</b>	<b>8.620</b>
<b>I</b>	<b>KHU VỰC DÂN CƯ</b>				<b>338,6</b>	<b>570,4</b>
2	Sử dụng điều hòa hiệu suất cao (inverter) ở các hộ gia đình thành thị	Tăng tỷ lệ số hộ có điều hòa sử dụng điều hòa hiệu suất cao đạt 70% năm 2025	Sở Công Thương/ Điện lực tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh.	1414	261,7	392,5
3	Sử dụng đèn CFL thay thế đèn sợi đốt	Tăng tỷ lệ số hộ sử dụng đèn CFL 100% vào năm 2025	Sở Công Thương/ Điện lực tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh.	-2811	1,96	2,94
4	Sử dụng bình đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời ở các hộ gia đình thành thị	Tăng tỷ lệ hộ sử dụng bình đun nước nóng bằng NLMT lên 100% vào năm 2025	Sở Công Thương/ Điện lực tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh.	-523	75	175
<b>II</b>	<b>GIAO THÔNG</b>				<b>52,5</b>	<b>122,50</b>
1	Sử dụng xe buýt điện	Sử dụng xe buýt tại một số tuyến trong thành phố và các điểm du lịch; phát triển 200 xe đến năm 2025	Sở Giao thông vận tải/ Sở Công Thương, Công an tỉnh, Sở Du lịch, Đài PTTH tỉnh, Báo Khánh Hòa...	-8400	52,5	122,5
<b>III</b>	<b>DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI</b>				<b>101,0</b>	<b>223,9</b>

STT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giám phát thải (1000VNĐ /tCO <sub>2</sub> )	Yêu cầu kinh phí (tỷ VNĐ) 2017-2020	Yêu cầu kinh phí (tỷ VNĐ) 2021-2025
1	Sử dụng đèn LED cho khách sạn, văn phòng	Nâng tỷ lệ khách sạn sử dụng đèn LED lên 100% năm 2025	Sở Xây dựng / Sở Công Thương, Sở Du lịch, Hiệp hội DN tỉnh...	880	2,6	2,6
2	Sử dụng thiết bị đun nước nóng bằng NLMT cho khách sạn nhỏ	Tăng số khách sạn sử dụng thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời lên 100% năm 2020	Sở Du lịch/Công Thương, Hiệp hội DN tỉnh, Đài PTTH tỉnh...	-4102	30	120
3	Sử dụng điều hòa TKNL chạy NLMT cho khu vực dịch vụ du lịch, khách sạn	Tăng tỷ lệ lắp đặt và sử dụng điều hòa TKNL chạy NLMT 100% vào năm 2025	Sở Du lịch/Sở Công Thương, Sở xây dựng	3244	65,9	98,8
4	Sử dụng đèn LED cho chiếu sáng đường phố	Thay thế 100% năm 2025	Sở Xây dựng/Sở Công thương, Công ty MTĐT.	-5057	2,5	2,5
<b>IV</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>				<b>83,1</b>	<b>262,9</b>
1	Sử dụng đèn LED trong đánh bắt thủy hải sản	Đạt tỷ lệ 70% vào năm 2025	Sở NN&PTNT/UBND các huyện, Hội nông dân tỉnh.	-14262	42	63
2	Xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản phát điện	Lắp đặt 3MW điện chạy khí sinh học để chạy các quạt sục khí trong nuôi trồng thủy sản	Sở NN&PTNT/UBND các huyện, Hội nông dân tỉnh.	-1491	15,6	140,4
3	Tuabin sục khí hiệu suất cao	Tăng tỷ lệ lắp đặt và sử dụng tuabin sục khí hiệu suất cao trong nuôi trồng thủy sản đạt mức 100% vào năm	Sở NN&PTNT/UBND các huyện, Hội nông dân tỉnh.	-3537	25,5	59,5

STT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1000VND /tCO <sub>2</sub> )	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2017-2020	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2021-2025
		2025				
<b>V</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>				<b>63,5</b>	<b>89,9</b>
1	Sử dụng lò hơi sinh khối thay thế lò đốt nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất công nghiệp bia	Đến 2025 thay thế toàn bộ nhiên liệu sinh khối để đốt lò hơi trong sản xuất bia	Sở Công Thương/ Hiệp hội DN tỉnh, các DN công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	-6844		
2	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh công nghiệp chế biến thủy sản	Xây dựng hệ thống quản lý năng lượng cho nhà máy chế biến tôm xuất khẩu	Sở Công Thương/ Hiệp hội DN tỉnh, các DN công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	-3456	2,15	2,15
3	Lắp đặt dây chuyền sản xuất gạch không nung	Phần đầu đạt 180-320 triệu viên/năm vào năm 2025	Sở Xây dựng.	-4483	52,8	79,2
4	Tiết kiệm năng lượng trong sản xuất xi măng	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong nghiền xi măng	Sở Công Thương/Sở xây dựng/Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	-3456	8,6	8,6
<b>VI</b>	<b>CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG</b>				<b>4.900</b>	<b>7.351</b>
1	Phát triển điện gió nổi lưới	Dự kiến đạt mức 60 MW vào năm 2020	Sở Công Thương/ Sở Kế hoạch và Đầu tư. Các nhà đầu tư phát triển NLTT.	3069	1030,4	1.546
2	Phát triển điện mặt trời nổi lưới	Dự kiến đạt mức 2000 MW vào năm 2025	Sở Công Thương/ Sở Kế hoạch và Đầu tư. Các nhà đầu tư phát	5699	3.680	5.520

TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng), nguồn kinh phí		Thời gian thực hiện
				NS địa phương	Nguồn khác (Vốn TW hỗ trợ, Vốn ODA, vốn xã hội hóa)	
3	Tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước về biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó; Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về biến đổi khí hậu và nước biển dâng, các giải pháp ứng phó trong đối tượng là học sinh và sinh viên.	Các sở ban, ngành, UBND các huyện thị xã, thành phố trong tỉnh thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức ứng phó với biến đổi khí hậu theo ngành, lĩnh vực đơn vị mình quản lý.		Dự toán trong kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật hàng năm của đơn vị		Hàng năm
4	Xây dựng kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng chi tiết riêng cho địa bàn tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở kịch bản do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.	BCĐ thực hiện CTMTQG ứng phó với BĐKH tỉnh Khánh Hòa, Sở TN&MT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	3.000		2017-2018
5	Nghiên cứu tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi, các giống thủy hải sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu tuyển chọn đưa vào ứng dụng một số giống cây trồng vật nuôi, các giống thủy hải sản có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	Dự toán từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh		2016-2020
6	Nghiên cứu tiềm năng khai thác nguồn năng lượng tái tạo như gió, mặt trời, sóng - triều.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	Dự toán từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh		2016-2020



STT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1000VND /tCO <sub>2</sub> )	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2017-2020	Yêu cầu kinh phí (tỷ VND) 2021-2025
			triển NLTT.			
3	Phát triển thủy điện nhỏ nổi lưới	Đạt mức bổ sung 19 MW vào năm 2020	Sở Công Thương/ Sở Kế hoạch và Đầu tư. Các nhà đầu tư phát triển thủy điện.	-1629	190	285

## II. Danh mục các hoạt động xanh hóa sản xuất

TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	NS địa phương	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng), nguồn kinh phí Nguồn khác (Vốn TW hỗ trợ, Vốn ODA, vốn xã hội hóa)	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng các bộ tài liệu tuyên truyền ứng phó biến đổi khí hậu chuẩn cho các thành phần: công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư trong tỉnh.	BCĐ thực hiện CTMTQG ứng phó với BĐKH tỉnh Khánh Hòa, Sở TN&MT	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa Thể thao, Sở Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo	200		2016-2018
2	Xây dựng tài liệu đưa nội dung về biến đổi khí hậu, những tác động có hại và các giải pháp thích ứng lồng ghép vào các môn học để giảng dạy ngoại khóa tại các trường phổ thông trong tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa Thể thao, Sở Du lịch, BCĐ thực hiện CTMTQG ứng phó với BĐKH tỉnh Khánh Hòa, Sở TN&MT	200		2016-2018

TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng), nguồn kinh phí		Thời gian thực hiện
				NS địa phương	Nguồn khác (Vốn TW hỗ trợ, Vốn ODA, vốn xã hội hóa)	
7	Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ giúp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái biển, rừng tự nhiên nhằm gia tăng khả năng hấp thu khí thải nhà kính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	Dự toán từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh		2016-2020
8	Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ tiết kiệm nước, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước phục vụ sản xuất nông lâm ngư nghiệp góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu theo từng vùng, từng địa phương trong tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	Dự toán từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh		2016-2020
9	Triển khai một số dự án, mô hình về canh tác lúa chịu mặn, chịu hạn có năng suất cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	3.000		2018-2020
10	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến bệnh dịch. Đề xuất các mô hình, hình thức giám sát các loại bệnh xuất phát từ thiên tai và các giải pháp phòng chống.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	3.000		2016-2017
11	Điều tra, kiểm kê và xây dựng kế hoạch loại bỏ những công nghệ kém hiệu quả, không thân thiện với môi trường, tăng phát thải khí nhà kính trong ngành Công Thương. Trên cơ sở đó xây dựng lộ trình kế hoạch	Sở Công Thương	Sở KHCN, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.	3.000		2016-2020

TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng), nguồn kinh phí		Thời gian thực hiện
				NS địa phương	Nguồn khác (Vốn TW hỗ trợ, Vốn ODA, vốn xã hội hóa)	
	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.					
12	Xây dựng và triển khai thực hiện việc sử dụng nhiên liệu ít phát thải khí nhà kính trong ngành Công Thương.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.	3.000		2018-2020
13	Xây dựng hệ thống chiếu sáng dùng năng lượng mặt trời ở các xã, thị trấn có điểm dân cư tập trung.	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.	3.000		Hàng năm
14	Triển khai thực hiện các dự án thí điểm cộng đồng dân cư ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng nhằm ổn định nghề, phát triển bền vững.	UBND các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm, UBND thị xã Ninh Hòa, UBND thành phố Nha Trang, UBND thành phố Cam Ranh	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh và địa phương liên quan	2.500		2016-2018
15	Xây dựng hệ thống cột mốc báo lũ tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh	1.000		Hàng năm
16	Rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh và địa phương phù hợp với điều kiện BDKH/NBD.	Sở, ngành, địa phương nào tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch, quy hoạch của ngành, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương thì có trách nhiệm lồng ghép, tích hợp các yếu tố BDKH vào		Dự toán chung trong kinh phí thực hiện lập, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, quy hoạch của ngành, địa phương		2016-2020
17	Dự án thành lập khu công nghệ cao	UBND Tỉnh	Các Sở, ngành liên quan			2016 -2020

### III. Danh mục các chương trình, dự án xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng), nguồn kinh phí		Thời gian thực hiện
				Ngân sách địa phương	Nguồn khác (Vốn TW hỗ trợ, vốn ODA)	
1	Chương trình Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học công nghệ, Sở công thương, UBND huyện, xã	177.719	508.981	2016 -2020
2	Dự án Đập ngăn mặn trên sông Cái Nha Trang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Nha Trang		767.000	2016-2020
3	Dự án Kè bờ tả, hữu sông Cái xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Phượng, Vĩnh Ngọc	Ban Quản lý dự án Các công trình trọng điểm	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Nha Trang		182.000	2016-2020
4	Dự án Hồ chứa nước Sông Cạn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Cam Lâm		399.500	2016-2020
5	Dự án Đê Ninh Hà	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thị xã Ninh Hòa		100.000	2016-2020
6	Dự án Hồ chứa nước Suối Sâu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Cam Lâm		150.000	2016-2020
6	Dự án Kè bờ phường Vĩnh Nguyễn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Nha Trang		184.500	2016-2020
7	Đầu tư trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Đắc Lộc	Trung tâm Khuyến công và XTMM	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan	3.300		2017
8	Trạm Quan trắc tự động Cụm công nghiệp Đắc Lộc	Trung tâm Khuyến công và XTMM	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan	1.400		2017
9	Trạm quan trắc tự động Cụm công nghiệp Diên Phú	Trung tâm Khuyến công và XTMM	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan	1.400		2017



TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp chính	Dự kiến Kinh phí (triệu đồng), nguồn kinh phí		Thời gian thực hiện
				Ngân sách địa phương	Nguồn khác (Vốn TW hỗ trợ, vốn ODA)	
10	Cải thiện VSMT các TP Duyên Hải - Tiểu dự án TP Nha Trang	Ban QLDA Đầu tư phát triển tỉnh KH	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan	268.391	1.744.813	2016 - 2020
11	Đầu tư Khu giết mổ gia súc gia cầm tập trung thành phố Nha Trang (giai đoạn 1)	UBND TP Nha Trang	Sở ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan	30.000		2018 - 2019
12	Cải tạo mở rộng và chống thất thoát hệ thống cấp nước Ninh Hòa	Công ty CP MT Đô Thị Ninh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các cơ quan đơn vị có liên quan	48.150	282.046	2016 - 2020
13	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Nha Trang	Công ty CP Cấp thoát nước KH	Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các cơ quan đơn vị có liên quan	131.172	1.093.077	2016 - 2020
14	Các dự án trong Chương trình Nước sạch Nông thôn	TT nước sạch và VSMT NT	Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các cơ quan đơn vị có liên quan	114.460	246.893	2016 - 2020